

TÌNH HÌNH PHÂN BỐ DÒNG HỌ Ở VÙNG VEN BIỂN HUYỆN HẬU LỘC TỈNH THANH HOÁ

PHẠM VĂN TUẤN

I. VAI NÉT VỀ Ở VÙNG DÂN C- VEN BIỂN HẬU LỘC

Vùng ven biển huyện Hậu Lộc ngày nay gồm 6 xã: Đa Lộc, Ng- Lộc, H-ng Lộc, Minh Lộc, Hải Lộc và Hoà Lộc. Kênh De (1) chảy theo h- ống Bắc - Nam nối sông Lèn và sông Lạch Tr- ờng, có thể xem là ranh giới để phân biệt vùng này với các xã phía trong. Trong 6 xã nêu trên, Hoà Lộc tuy nằm ở phía trong Kênh De nh- ng vẫn đ- ợc xếp vào diện ven biển do hoạt động kinh tế của dân c- ở đây chủ yếu gồm các nghề gắn liền với biển nh- 5 xã khác trong vùng.

Hoạt động đánh bắt hải sản gồm: Nghề văng tay, nghề sẻo, nghề rẻo, nghề giã gai, nghề giã cá, nghề giã moi, nghề giã tôm, nghề l- ới rênh, nghề l- ới rút, nghề câu cá d- a. Hoạt động chế biến hải sản có các nghề làm cá khô, nghề làm mắm moi (mắm chua, mắm tôm), nghề làm n- ớc mắm cá, trong đó nghề làm n- ớc mắm cá khá phổ biến, hầu nh- nhà nào đi biển cũng biết chế biến n- ớc mắm để ăn. N- ớc mắm Diêm Phố, n- ớc mắm Vạn Vích (Hải Lộc) nổi tiếng ở nhiều nơi trong và ngoài tỉnh. Trong khâu l- u thông, hoạt động chủ yếu là trao đổi và buôn bán nhỏ. Sản phẩm trao đổi chủ yếu là cá, tôm, n- ớc mắm. Đây là công việc của những ng- ời phụ nữ trong mạng l- ới các chợ quê trong vùng. Nghề làm muối thủ công là nghề cổ truyền của ng- ời nông dân ở Y Vích, Nam Khê với hơn 100 ha ruộng muối cạnh cửa sông Lạch Tr- ờng. Sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, trồng màu) chiếm vai trò quan trọng ở các làng phía trong thuộc

các xã Minh Lộc, H- ng Lộc, Hoà Lộc, Đa Lộc. Ngoài cội Đa Lộc, muối Hoà Lộc và Hải Lộc, cá tôm Ng- Lộc, vùng này còn là nơi trồng cây hoa màu, đặc biệt là cây lạc cho năng suất cao. Đa Lộc quê h- ong "Mẹ Tôm", là mảnh đất tốt của cội, của những "rừng sa mộc khóm dứa xanh", "Khoai bông Đa Lộc" là loại màu đặc sản tr- ớc đây của Hanh Cát, Hanh Cù (2).

Trong hoạt động kinh tế của c- dân 6 xã vùng ven biển Hậu Lộc có thể kể một số nghề chủ yếu nh- sau: Đánh bắt, chế biến, buôn bán các hải sản, làm muối, làm cội và làm nông nghiệp.

Ngoài những nghề nêu trên trong cơ cấu kinh tế chung của c- dân vùng biển còn có nghề xe gai đan l- ới, nghề đóng sửa thuyền gỗ để phục vụ cho khai thác biển. Gần đây còn có nghề dệt thảm, quai thảm đã thu hút một lực l- ợng lớn lao động phụ nữ trẻ em và những cụ già hết tuổi đi biển.

Nhiều tài liệu cho thấy một số làng xã vùng ven biển Hậu Lộc ngày nay manh nha đã có từ thời Trần. Nh- ng phải đến thời Lê, trên cơ sở hội tụ dân c- gắn liền với hoạt động khai hoang lấn biển một cách tự phát của nhiều dòng họ từ nhiều miền quê, dần dần hình thành cơ cấu tổ chức làng xã. Đến thời Nguyễn thì cơ cấu tổ chức làng xã ở đây đ- ợc tính và trở thành cơ sở cho các cơ cấu hành chính từ đó đến nay. Ngày nay, vùng ven biển của Hậu Lộc là một khu vực c- dân đông đúc đ- ợc phân chia thành 6 đơn vị hành chính cấp cơ sở. Biểu d- ới đây cho thấy một vài thông số cơ bản và về địa lý dân c- và hành chính của các xã trong vùng.

TT	Tên xã	Tổng số	Tên làng (thôn)	Diện tích	Dân số
----	--------	---------	-----------------	-----------	--------

		làng (thôn)		(ha)	(tính đơn vị xã)
1	Đa Lộc	10	Mỹ Điền, Vạn Thắng, Đông Hoà, Đông Thành, Yên Đông, Ninh Phú, Đông Hải, Đông Tây, Yên Lộc, Hùng Thành	1.310,16	7.774 khẩu 1.744 hộ
2	H-ng Lộc	11	Phú L-ong, Phú Nhi, Phú V-ong, Tân H-ng, H-ng Bắc, Yên Hoà, Yên Thành, Yên Mỹ, Thái Hoà, Đông Hoà, Tây Hoà.	532,54	11.55 khẩu 2.240 hộ
3	Ng- Lộc	7	Bắc Thọ, Thắng Tây, Nam V-ong, Thắng Lộc, Thắng Phúc, Thành Lập, Chiến Thắng.	0,47	16.634 khẩu 2.800 hộ
4	Minh Lộc	9	Minh Hùng, Minh Thịnh, Minh Thắng, Minh Thọ, Minh Hải, Minh Đức, Minh Thành, Minh Phú, Minh Thanh.	475,36	12.074 khẩu 2.400 hộ
5	Hải Lộc	8	Tr-ong Nam, Y Bích, Lộc Tiên, Tân Lộc, Lạch Tr-ong, Đa Phạn, H-ng Thái, Thắng Hùng.	347,84	8.424 khẩu 1.635 hộ
6	Hoà Lộc	6	Bái Trung, Xuân Tiến, Tam Hoà, Phú Ng-, (Hoà Phú), Nam Huân, Tam Thắng.	731,52	11.355 khẩu 2.615 hộ

II. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ DÒNG HỌ

1. Xã Đa Lộc

Thời Lê Cảnh H-ng (1739 - 1769) xã Diêm Phố có 8 giáp: Đông, Đoài, Nam, Bắc, Trung



Đông, Trung Đoài, Trung Nam và Trung Bắc. Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, xã Diêm Phố đổi thành xã Cao Thắng, năm 1947 là Vạn Thắng sau lại đổi thành Vạn Lộc. Tháng 7 năm 1953

chia thành 4 xã mới gồm Đa Lộc, Minh Lộc, Ng- Lộc (Diêm Phố) và H-ng Lộc. Tr-ớc Cách mạng Tháng 8 năm 1945, trên địa bàn xã Đa Lộc có các làng Khang Cù, Hanh Cát, Mỹ Hoa (Mỹ Điền); xóm Hùng Thành (Vạn Chài) đ-ợc hình thành từ năm 1946. T- liệu điền dã dân tộc cho biết, làng Khang Cù đã có từ thế kỷ XVII, XVIII. Ng-ời đầu tiên đến mảnh đất này là ông Đỗ Trọng Xuân, kế tiếp là các ông Bùi Phúc Mỹ, Nguyễn Trung Toàn, Vũ Phúc Đạo. Họ lấy đánh cá, chài l-ới, làm muối, khai hoang vỡ ruộng làm nghề nghiệp chính. Bốn họ ra tr-ớc là Đỗ, Bùi, Nguyễn, Vũ đ-ợc gọi là chính tiến, các họ ra sau gọi là phụ tiến. Đất Khang Cù là nơi tụ c- của hơn 30 dòng họ gồm: 3 dòng họ Đỗ, 2 dòng họ Bùi, 4 dòng họ Nguyễn, 5 dòng họ Vũ, 5 dòng họ Phạm, 3 dòng

họ Trần, 2 dòng họ Tô, 2 dòng họ Đặng và các họ Đào, Hoàng, Kiều, Đinh, Lê, Mai, Trịnh, Lại, D-ong.

- *Làng Khang Cù* tr-ớc đây thuộc tổng Thạch Giản - huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung. Năm 1916 làng chia đôi, lập thêm thôn Hanh Cát, đổi thành xã Hanh Cù thuộc huyện Hậu Lộc, tổng Sen Cù. Xã Hanh Cù bao gồm 9 xóm: Mỹ Thọ, Đình Trung, Ninh Cát, Trung Cát, Đông Biên, Thịnh Hoà, Gánh, Gành.

- *Làng Hanh Cát* vốn đ-ợc tách ra từ làng Khang Cù từ năm 1916, có 18 hộ với 32 suất đinh gồm các dòng họ: Vũ (Vũ Đông, Vũ Vợi), Đỗ (Đỗ Oanh), Đặng (Đặng Trọng) và Phạm (Phạm Vực).

Tr-ớc năm 1945, Hanh Cát có 2 xóm: Nam C-ờng, Đông Khang và sau đó thêm xóm Vạn Chài.

- *Làng Mỹ Hoa* (còn gọi là Mỹ Điền) có gốc từ xã Dịch Cấn (Định Cát) là xã vốn có 3 làng: Mỹ Khúc, Kiến Long, Mỹ Điền. Từ khi lập ấp đến nay làng Mỹ Điền có các dòng họ: 3 dòng họ Vũ, 1 họ D-ong, 1 họ Mai, 1 họ Đỗ, 1 họ Phạm, 2 họ Nguyễn, 1 họ Tạ, 1 họ Kiều, 1 họ Đào.

- *Xóm Vạn Chài* (Hùng Thành), đ-ợc hình thành từ năm 1946, gồm 3 gia đình làm nghề cá là các họ Lê (Lê Mấn), Nguyễn (Nguyễn Th-ờng), Lê (Lê Cậy) ở làng Hanh Cát di c- đến. Làng Vạn Chài đã 3 lần đổi tên: từ Vạn Hùng đổi thành Vạn Thành và nay là Hùng Thành.

Năm 1989, xã Đa Lộc chia thành 10 thôn và lập 10 hợp tác xã gồm: Hùng Thành, Yên Lộc, Yên Đông, Đông Hoà, Đông Tân, Đông Hải, Ninh Phú, Mỹ Điền, Vạn Thắng, Đông Thành. Cơ cấu tổ chức này tồn tại cho đến nay.

2. Xã Ng□Lộc

Năm 1976, toàn xã đ-ợc chia thành 14 xóm. Năm 1988, xã Ng- Lộc hình thành 7 thôn (dựa

theo địa d- hợp tác xã). Hiện tại, Ng- Lộc có các thôn Bắc Thọ, Thắng Tây, Nam V-ong, Thắng Lợi, Thắng Phúc, Thành Lập, Chiến Thắng.

Theo gia phả họ Trần, họ Bùi còn l-u giữ tại địa ph-ong; mảnh đất Diêm Phố đ-ợc khai khẩn từ thời Trần (thế kỷ XII) (3). Phần đông dân c- là ng-ời từ các tỉnh miền ngoài vào, miền trong ra nh- Hà Đông, Thái Bình, Nam Hà, Nghệ An và một số ít dân từ các huyện trong tỉnh nh- Hậu Lộc, Tĩnh Gia, Quảng X-ong.

Nhờ có vị trí địa lý thuận lợi, Diêm Phố sớm trở thành một xã trù phú về nghề cá. Đến cuối thế kỷ XIX, Ng- Lộc đã là một địa ph-ong có 23 hộ và 78 dòng họ c- trú xen kẽ tại các thôn. Họ Bùi quê gốc ở tỉnh Hà Đông vào từ thế kỷ XII, họ Trần từ Thái Bình đến từ thế kỷ XIV, họ Hoàng từ Nghệ An đến từ thế kỷ XV, họ Nguyễn từ Nghệ An đến từ thế kỷ XVI, họ Đặng đến từ Nam Định thế kỷ XVII, họ Vũ từ Nghệ An đến từ thế kỷ XIX, họ Lê từ Hoàng Hải (Hoàng Hoá), đến từ thế kỷ XIX, họ Đoàn từ Hải Lộc (Hải Hậu) đến từ thế kỷ XIX, họ Hàn từ Nghệ An ra, thế kỷ XIX, họ Đỗ từ Hoàng Hoá, họ Đào đến từ Nga Sơn. Một số dòng họ khác không rõ xuất xứ nh- họ Phạm, họ Đồng, họ Tô, họ Triệu, họ Đinh, họ Ngô, họ Hà, họ Tống, họ Chu. Có những họ lớn tách ra nhiều chi phái nh- họ Trần tách thành 2 chi là Trần Đình và Trần Văn; họ Nguyễn tách thành Nguyễn Lộc, Nguyễn Kỳ, Nguyễn Văn, Nguyễn Thắng v.v...Có những họ nhỏ nh- họ Lê, họ Ngô chỉ 7 - 8 hộ trên tổng số 2848 hộ của xã.

3. Xã Minh Lộc

Xã Minh Lộc, tr-ớc thuộc trang An Giáo (Yên Giáo) đ-ợc thành lập từ đầu thời Lê. Sự tích thành hoàng làng Yên Giáo cho biết: Ông Nguyễn Huy Thành ng-ời họ Nguyễn gốc Nghệ An làm Tổng trấn lộ Thanh Hoa, khi đi tuần tra miền ven biển Thuận Lộc thấy bãi đất sa bồi liền chiêu tập 100 ng-ời (trong đó có 9 dòng họ). Ông

cấp cho họ tiền gạo để khẩn hoang lập ấp; từ đó hình thành nên trang An Giáo. Tên gọi trang An Giáo có từ thời Lê, đ-ợc duy trì qua thời Nguyễn cho đến tr-ớc Cách mạng Tháng 8 năm 1945.(4)

Thời Nguyễn Gia Long (1802 - 1820), do sự phân chia lại các tổng, các làng xã trong huyện, bãi An Thiện, trang An Giáo cũng đ-ợc chia thành nhiều xã nh- : An L-ong, Y Bích thuộc tổng Xuân Tr-ờng; Yên Giáo, Phú L-ong, Đa Phạn, Lộc Lớn (tức xã Khúc Phán) thuộc tổng Liên Cừ. Đến đời vua Khải Định, do sự tranh chấp đất đai của các chức sắc trong xã nên xã Yên Giáo đ-ợc chia thành 2 xã là Yên Giáo (gồm 5 làng: Yên Lãnh, Phú Nhi, Yên Phú, L- u Trung sau thêm làng Cầu Yên) và xã Yên Nhân (gồm 4 làng: L- u Đông, Trung Hoà, Làng Đông, Tây Thọ). Sau Cách mạng Tháng 8-1945, đơn vị hành chính mới đ-ợc thành lập ở xã Tiến Thịnh (gồm 2 xã Yên Giáo và Yên Nhân). Tháng 6 năm 1947, xã Tiến Thịnh đ-ợc sáp nhập vào xã Vạn Lộc. Tháng 7 năm 1953, xã Vạn Lộc đ-ợc chia thành 4 xã (Minh Lộc, H- ng Lộc, Ng- Lộc, Đa Lộc). Hiện nay xã Minh Lộc gồm 9 thôn: Minh Hùng, Minh Phú, Minh Thành, Minh Thanh, Minh Đức, Minh Hải, Minh Thọ, Minh Thịnh, Minh Thắng.

Tại xã Minh Lộc có trên 60 dòng họ, trong đó có 39 dòng họ lớn đ-ợc phân bố ở các thôn nh- sau:

- *Thôn Minh Phú* có 5 dòng họ lớn là họ Vũ, 2 họ Phạm, 2 họ Nguyễn, trong đó họ Vũ Huy lớn nhất, chiếm 1/4 dân số của thôn với hơn 600 nhân khẩu; họ Phạm là họ lớn thứ hai; họ Nguyễn Hùng-thứ ba.

- *Thôn Minh Thành* gồm các họ Đinh, Phạm, Vũ, Lê, Trịnh. Các cụ tổ của 5 dòng họ trên là những ng-ời đầu tiên khai phá mở mang khu đồng Minh Thành và Đồng De.

Họ Đinh có Đinh Công Tráng, họ Phạm có Phạm Bành (xã Hoà Lộc) là những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Ba Đình.

- *Thôn Minh Thịnh* có 7 dòng họ là họ Vũ, họ Hoả, 2 họ Nguyễn, 2 họ Trịnh, trong đó họ Nguyễn Đình là một trong những dòng họ đã sinh cơ lập nghiệp trên đất An Giáo khá lâu. Thủy tổ dòng họ Nguyễn Đình là Nguyễn Xí, một t-ớng tài của Lê Lợi quê ở Đông Thành, Nghệ An. Nhà thờ họ Nguyễn Đình còn câu đối:

Lê Kỷ Lam Sơn khai quốc công thần văn hiến địa

Nguyễn Tri xứ sở cổ dân hợp tộc lập An Thôn

- *Thôn Minh Hùng* có 4 dòng họ lớn: họ Mai, họ Trịnh, 2 họ Lê, trong đó họ Mai là một dòng họ lớn chiếm 1/3 dân số của thôn; họ Lê Phúc là họ lớn thứ 2 do ông Lê Phúc Hiền ở Nam Hà vào An Giáo lập ra làng Hụ đến nay là 13 đời. Họ Lê Hữu đến nay là đời thứ 6, có ông Lê Hữu Tiệm đ-ợc phong sắc *Hiệp quân chính lĩnh binh tiên vệ*. Ông đã cấp tiền cho làng Hụ xây lại ngôi nghề thờ thành hoàng làng.

- *Thôn Minh Hải* có 6 dòng họ gồm 3 họ Nguyễn, họ Mai, họ Đỗ, họ Hoàng. Họ Nguyễn là họ lớn nhất đ-ợc phân bố ở cả 3 thôn trong xã là Minh Hải, Minh Thọ và Minh Đức. Dòng họ này có cụ Nguyễn Phúc Thông (đời thứ 7) cầm quân đi dẹp giặc ở vùng Đông Bắc, có sắc phong "Kiệt t-ớng quân" với bức đại tự ở nhà thờ họ: "Vinh Quốc Sùng".

- *Làng Minh Thành*: có 5 dòng họ: 2 họ Hoàng và 3 họ Vũ.

Dòng họ Hoàng có cụ tổ là gia nhân thân cận và là tùy t-ớng của thành hoàng làng Yên Giáo: Nguyễn Huy Thành. Ông là ng-ời đã lập ra ấp Trung Hoà (tức Minh Thành ngày nay). Dân gian còn l- u lại câu thơ sau:

Trí dũng tổ tiên, khắc cháu con

Trung Hoà lập ấp khởi tiên thân

Tr- ờng Sơn thiên định trong hùng cứ

Đảo Nẹ vững khuôn chặn sóng thần

Các cụ già làng còn cho biết, từ đời thứ 6 về sau, họ Hoàng ở đây có 5 ng- òi đã từng giữ chức "Tổng Giám binh ở Hà Thành" (Hà Nội).

- Làng Minh Thọ có 5 họ: Tạ, Nguyễn, Trần, Vũ, Tr- ờng. Họ Tạ là dòng họ lớn đã phát triển thành 3 chi họ khác ở Phú Lộc, Hà Trung và thành phố Thanh Hoá. Thành hoàng ở làng Điện Yên, xã Phú Lộc là Tạ Thái Nguyên thuộc dòng họ Tạ. Còn họ Trần là một trong những dòng họ lâu đời của đất An Giáo x- a.

- Làng Minh Đức có 5 họ là: Nguyễn, Ngô, Lê, Mai, Vũ. Dòng họ Mai có cụ Mai Phúc Tín tự Văn Thản đ- ọc vua Lê Cảnh H- ng phong sắc "Đại t- ớng quân" (ngày 22 tháng 2 năm 1784).

- Làng Minh Thắng có 165 hộ, 913 ng- òi với 10 dòng họ từ xã Ng- Lộc chuyển đến là Bùi, Trần, Nguyễn, Hoàng, Phạm, Đồng, Vũ, Lê, Đặng, Mai.

- Làng Cầu ở bên cạnh cầu De. Làng có tên là Cầu Yên, Vạn Cầu, Minh Hoà. Làng có nhiều dòng họ nh- : Hoàng, Vũ, Đỗ, Lê, Mai, Trần đều thuộc các dòng họ ở trong An Giáo x- a.

Khi Kênh De đ- ọc khơi dòng, thuyền bè buôn bán th- ờng qua lại, lúc đó có 4,5 gia đình của họ Hoàng làng Trung Hoà, họ Vũ làng Hanh Cù, làng L- u Động trong đó có gia đình các cụ Hoàng Chấn, Vũ Đình di c- về đây ở ven đê cạnh cầu làm nghề thợ mộc. Đến khoảng năm 1885, có thêm một số hộ của các dòng họ Đỗ, Lê, Mai đến sinh cơ lập nghiệp... Các dòng họ hợp lại thành lập làng lấy tên là Cầu Yên, dựng Nghè xin chân h- ơng ở là Trung Hoà về thờ thần "Lê Phúc th- ợng đẳng thần".

4. Xã H□ng Lộc

Tr- ớc Cách mạng Tháng 8 năm 1945, xã H- ng Lộc gồm có các làng: Phú L- ơng, Yên Hoà (Yên Lãn), Kiến Long, Yên Mỹ, Yên Thịnh, Phú Nhi. Hiện nay, H- ng Lộc có 11 thôn : Tây Hoà, Đông Hoà, Thái Hoà, Yên Mỹ, Yên Thịnh, Yên Hoà, Phú Nhi, Phú L- ơng, Phú V- ơng, Tân H- ng, H- ng Bắc. Trong các làng cổ nêu trên thì làng Kiến Long cũ đ- ọc chia thành 3 thôn: Tây Hoà, Đông Hoà và Thái Hoà, dân c- làm nghề đánh cá và thủ công nghiệp. Các thôn Tân H- ng, H- ng Bắc, Phú V- ơng mới đ- ọc thành lập là do dân c- từ xã Ng- Lộc chuyển đến.

Sự phân bố của dòng họ ở các làng nh- sau:

- Làng Phú L- ơng: lúc đầu gọi là ấp An Thiện (thuộc trang An Giáo), sau gọi là trang Phú L- ơng, sau Cách mạng gọi là làng Phú L- ơng, có 8 dòng họ gồm: Tăng, Đoàn, Nguyễn, Phạm, Phan và dòng họ Nguyễn. Theo trí nhớ của các bậc cao niên thì ban đầu làng chỉ có 3 họ là Tăng, Đoàn, Nguyễn. Sau này, có một chi họ Tăng từ nơi khác đến nên có sự phân biệt giữa Tăng Trong và Tăng Ngoài. Tăng Trong là họ cũ ở trong làng (lúc đầu có 12 gia đình), họ Tăng Ngoài là họ ở ngoài làng di c- đến sau. Họ Đoàn từ Nghè An di c- đến ; họ Tăng, họ Phan từ Hải D- ơng vào; họ Phạm, họ Nguyễn có mặt ở Phú L- ơng đến nay là 7 đời, trong đó họ Nguyễn chia làm 3 chi.

- Làng Yên Hoà: tr- ớc có tên gọi là An Lang. Thời Lê đổi thành An L- ơng đến cuối Lê đầu Nguyễn đổi thành Yên L- ơng. Từ năm 1954 đến nay đổi thành làng Yên Hoà. Tr- ớc khi lập làng, đã có những dòng họ đến tr- ớc nh- : Phạm, Đinh, Đào, Tr- ờng, Vũ... Riêng 2 dòng họ Trần Hữu và Trần Tung mới đến sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945. Trong quá trình khai hoang lập ấp, đến nay Yên Hoà đã là nơi c- trú của 10 họ, đó là:

Họ Phạm, đến nay đã có 13 đời với 4 chi

Họ Đinh: 11 đời, 5 chi

Họ Đào: 12 đời, 5 chi

Họ Tr-ong: 11 đời, 2 chi

Họ Nguyễn: 11 đời, 3 chi

Họ Vũ: 10 đời, 4 chi

Họ Đỗ: 8 đời, 2 chi

Họ Đậu: 7 đời, 1 chi

Họ Trần Hữu: 4 đời, 1 chi

Họ Trần Tung : 3 đời, 1 chi.

Các dòng họ này c- trú trên các doi cát, đụn cát. Tính từ phía đông sang tây, họ Phạm c- trú ở doi cát xóm Ngoài, họ Đào, họ Tr-ong ở doi cát xóm Giữa ; họ Đinh, họ Nguyễn ở doi cát phía xóm Trong; họ Nguyễn, họ Vũ, họ Đậu ở cồn cát phía Bắc, họ Trần ở cài răng l-ọc giữa các xóm trên. 5 họ đã có từ đ-ờng là Phạm, Đinh, Đào, Tr-ong, Vũ.

- *Thôn Yên Mỹ*: Lúc mới thành lập có tên là Khúc Phấn. Thời Nguyễn gọi là Mỹ Khúc nằm trong xã Dịch Càn. Xã Dịch Càn gồm có 3 thôn là Mỹ Khúc, Kiến Long, Mỹ Điền thuộc tổng Sen Cừ.

Vào cuối thời Lê đầu thời Nguyễn, Yên Mỹ có 6 họ đến sinh cơ lập nghiệp gồm : Phạm, Nguyễn, Hà, Vũ và 2 họ Trần, đ-ọc phân bố trên 7 khu đất: Trại Ph-ong, Trại Quyền, Cồn Biêng, Cồn Sũng, Tổ □c, Đồng Đập, Cỏ Bánh. Đến nay, Yên Mỹ đã là nơi c- trú của 14 dòng họ. Đặc điểm của các dòng họ nh- sau:

Họ Phạm, ông tổ là Phạm Công, có 3 chi.

Họ Nguyễn, ông tổ là Nguyễn Quý Công (Tiền V-ong Phò Mã Tả Đô Đốc Vệ Sự Tham Tán, Đặc Phái Hậu, Nguyễn T-óng Công) có 4 chi.

Họ Trần, ông tổ là Trần Khởi Tổ, 3 chi

Họ Trần, ông tổ là Trần Văn Điểm, 1 chi

Họ Hà, ông tổ là Hà Đặng Khánh, 3 chi

Họ Vũ, ông tổ là Vũ Văn Ngồi, 1 chi

Họ Tạ, ông tổ là Tạ Sáo, 1 chi

Họ Ngô, ông tổ là Ngô Hảo, 1 chi

4 họ Nguyễn: ông tổ Nguyễn V-ong (1 chi), ông tổ Nguyễn Văn Cảnh (1 chi), ông tổ Nguyễn Văn Tông (1 chi), ông tổ Nguyễn Phúc Huệ (1 chi)

Họ Lê, ông tổ là Lê Văn Bến, 1 chi

Họ Lê, ông tổ là Lê Văn Tống, 1 chi

Các dòng họ trên c- trú theo xóm (có 4 xóm): xóm Ngoài - nơi c- trú của họ Phạm; xóm Trong - họ Đinh, Nguyễn, Đỗ; xóm Trên - họ Vũ; xóm Giữa - họ Tr-ong, họ Đào.

Yên Mỹ là một làng thuần nông, quan hệ kinh tế ở đó chủ yếu là quan hệ giữa các gia đình tiểu nông với nhau.

- *Làng Yên Thịnh*: Tr-óc Cách mạng Tháng 8 năm 1945 gọi là Yên Lãnh, sau Cách mạng gọi là Tân Tiến và từ năm 1954 gọi là xã Yên Thịnh.

Yên Thịnh là nơi c- trú của 15 dòng họ gồm: họ Đinh, Hoàng Phan, Nguyễn, Tr-ong, L-u, Mai (Mai Văn, Mai Thế, Mai Huy), Vũ (Vũ Văn, Vũ Huy), Trần, Phạm. Tr-óc Cách mạng Tháng 8 năm 1945 Yên Lãnh (tức Yên Thịnh ngày nay) chỉ có 32 hộ. Hiện nay làng có 115 hộ, 427 nhân khẩu. Dân ở đây trồng lúa, trồng các loại cây hoa màu và chăn nuôi gà, lợn, ngan...

- *Làng Phú Nhi*: Làng Phú Nhi ra đời từ thời vua Lê Thánh Tông khoảng năm 1470. Tấm bia đá ở đền thờ Lê Huy Phúc thuộc làng Phú Nhi đã mờ chữ, chỉ còn lại dòng Lạc Khoản ghi "*Thịnh Đức nguyên niên trọng xuân chính nguyệt cốc nhật...*". Có lẽ đây là niên hiệu dựng đền thờ d-ới thời vua Lê Thần Tông niên hiệu Thịnh Đức (1649 - 1650) (5). Thời kỳ này, Phú Nhi đã là một làng t-ong đối ổn định, công việc dựng đền thờ, đặt hậu đã trở nên quan trọng. Mặt khác, thành hoàng Lê Huy Phúc là ng-ời đã có công

chiêu dân gồm 9 dòng họ lập ấp ở Đông Kênh De, đ- ọc ghi trong thần tích của làng.

Hiện nay, Phú Nhi có 10 họ gồm: Lê, Đinh, Phan, Hoàng, 3 họ Mai, 2 họ Vũ, 2 họ Nguyễn. Theo trí nhớ của các cụ già thì họ Vũ, họ Nguyễn, họ Lê có quê gốc Nghệ An đến Phú Nhi từ thời Lê.

- *Làng Kiến Long*, thời Lê Trung H- ng gọi là Khu Định Trung, xã Định Cần, huyện Thuận Lộc, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa. Thời Nguyễn gọi là thôn H- ong Trung, xã Định Cần. Từ năm 1954 đến nay đổi là Kiến Long thuộc xã H- ng Lộc. Hiện nay, Kiến Long đ- ọc chia làm 3 thôn: Tây Hoà, Đông Hoà và Thái Hoà.

Kiến Long là một làng cổ từ thời Lê Sơ. Theo thần tích ở làng Kiến Long cho biết, vào năm Quang Thiệu (1511 - 1521), khu Định Trung, xã Định Cần, huyện Thuận Lộc (tức làng Kiến Long) đã là một làng xã ổn định về hành chính. Hiện nay, Kiến Long là một làng đông dân nhất của xã H- ng Lộc, vì thế mà phải tách thành 3 thôn: Tây Hoà, Đông Hoà, Thái Hoà. Làng chiếm 1/3 dân số toàn xã với 21 họ và dòng họ gồm: Lê, 8 dòng họ Nguyễn, 2 dòng họ Trần, D- ong, Phạm, Trịnh, Hà, Đồng, Tr- ong. T- liệu hồi cố cho biết, trong các dòng họ trên thì dòng họ Nguyễn có quê gốc từ Nghệ An, còn các dòng họ khác nh- Lê, Trần, D- ong, Phạm, Trịnh, Hà, Đồng, Tr- ong có quê gốc từ huyện Quảng X- ong - một huyện ở phía Nam tỉnh.

5. Xã Hải Lộc

Hải Lộc là một xã nằm sát cửa biển Lạch Tr- ờng, nơi giáp ranh của 2 huyện Hoàng Hoá và Hậu Lộc. Theo sách *Lịch sử Thanh Hoá* thì thời Thuộc Hán (111 TCN) trên đất Cửu Chân hình thành một trung tâm buôn bán có tính chất th- ơng cảng, đó là cửa Lạch Tr- ờng. Tên "Kê Tr- ờng" cũng đã có từ thời kỳ này (6). Điều đó

cho thấy từ đầu Công nguyên cửa Lạch Tr- ờng đã là một tụ điểm dân c- .

Cũng sách trên cho biết: sau chiến thắng quân Nguyên vua Trần Nhân Tông cho họ Trần từ Hải D- ong vào khai phá vùng Hà Lộ (Hoàng Yên, Hoàng Hoá); họ Bùi, họ Trần ở Thái Bình vào vùng Diêm Phố, Lạch Tr- ờng để khai hoang lập làng mới và mở mang nghề nghiệp. Họ Bùi, họ Trần lập xóm riêng có tên là Tiên Xá (nhà đầu tiên), làm nghề đánh cá và làm n- ớc mắm.

Đầu thế kỷ XV, d- ời triều Lê, ông Nguyễn Huy Thành có công dẹp giặc Chiêm Thành, đ- ọc nhà vua cho về vùng ven biển khai hoang lập nên Trang An Giáo, làng Lộc Duyên. Nh- vậy, từ đây Hải Lộc đã có 3 làng: Y Bích, Lộc Duyên, Tiên Xá. Văn bia ở chùa Vích dựng tháng 10 năm Kỷ Tỵ (1689) niên hiệu Chính Hoà còn ghi "Tam xã h- ng công bi" đóng góp tiền của vào việc dựng chùa Vích, tức là 3 xã Y Bích, Lộc Duyên và Tiên Xá.

Hiện nay, Hải Lộc có 8 thôn: Y Vích, Lộc Tiên, Tr- ờng Nam (Trà Linh hoặc Nam Khê), Tân Lộc, Lạch Tr- ờng, Đa Phạn, H- ng Thái và Thắng Hùng. Trong đó thôn Tân Lộc mới đ- ọc thành lập năm 1993, thôn Thắng Hùng đ- ọc thành lập năm 1994 trên cơ sở của hợp tác xã đánh cá Thắng Hùng đ- ọc hình thành từ năm 1976, dân c- chủ yếu là từ xã Ng- Lộc chuyển vào. Thôn Lạch Tr- ờng cũng là một thôn đ- ọc thành lập năm 1994, trên cơ sở hợp tác xã đánh cá Lạch Tr- ờng đ- ọc thành lập từ năm 1976. Dân c- chủ yếu từ Ng- Lộc chuyển vào.

Sự phân bố các dòng họ ở Hải Lộc:

- *Làng Lộc Tiên* có 18 họ: Nguyễn, Mai, Tô, Đinh, Lê, Phan, Phạm, Trịnh, Đoàn, Vũ, Tr- ong, Đặng, Đỗ, D- ong, Bùi, Đồng, Hồ, Hà; trong đó các họ Bùi, Trần, Mai là những họ có mặt đầu tiên.

- *Làng H-ng Thái*: cuối thế kỷ XVIII có một số gia đình họ Trần, họ Mai (khoảng 13 hộ, 60 ng-ời) từ làng Lộc Tiên lên vùng đất An Giáo dựng nhà, khai hoang làm ruộng. Thời vua Minh Mạng năm thứ 9 (1828) có lệnh trục hồi về nguyên quán, các gia đình đã kéo về ở cồn Gai (họ Trần ở phía Đông, họ Mai - phía Tây, thuộc thôn Lộc Tiên) lập nên 1 xóm gọi là xóm Mới do lý tr-ởng làng Lộc Tiên quản lý. Về sau có thêm họ Tô từ Lộc Tiên đến, họ Bùi, họ Đồng từ Diêm Phố về, dân số đông lên khoảng 100 ng-ời. Năm Canh Dần 1890 đặt tên là xóm H-ng Thái. Năm 1945 có thêm một số gia đình ở xóm Vạn Tân thuộc xã Vạn Lộc và một số gia đình ở Lộc Tiên đến tiếp nên dân số càng tăng. Làng lấy tên là H-ng Thái, thuộc xã Đình Công, sau này là một làng của xã Tr-ờng Xuân. Làng H-ng Thái có 8 hộ: Bùi, Trần, Nguyễn, Tô, Đồng, Mai, Phạm, Lê.

- *Làng Tr-ờng Nam*: x-a là một xóm, có tên là Trà Linh gồm một số gia đình ở rải rác trên các cồn nh- Cồn Giếng, Cồn □i, Cồn Nghè, Cồn Đô... cạnh cửa Kênh De; làm nghề đẽng dó bắt tôm và làm muối. Về sau dân c- từ Thái Bình vào, Y Bích - Lộc Tiên chuyển c- lên ở các cồn cao. Địa thế xung quanh có khe n-ớc chảy, nên làng lại có tên là Nam Khê (khe phía Nam). Hiện nay, Tr-ờng Nam là nơi c- trú của 6 hộ: Nguyễn, Đỗ, Phạm, Bùi, Ngô, Lê.

- *Thôn Thảng Hùng*: có 12 hộ từ Ng- Lộc chuyển c- đến gồm các hộ: Đặng, Nguyễn, Hoàng, Hà, Bùi, Tô, Tăng, Phạm, Vũ, Ngô, Mai, Hoả.

- *Thôn Lạch Tr-ờng* có 11 hộ từ Ng- Lộc chuyển đến gồm các hộ: Hoàng, Nguyễn, Đinh, Bùi, Trần, Tống, Phạm, Đồng, Đỗ, Tô, L-ờng.

- *Thôn Tân Lộc* có 10 hộ: D-ong, Mai, Nguyễn, Đỗ, Lê, Trần, Đinh, Vũ, Trịnh, Bùi.

- *Làng Đa Phạn* có 9 hộ: Trịnh, Phạm, Hoàng, Nguyễn, Mai, Trần, Tr-ong, Bùi, Đồng. Bà con chủ yếu theo đạo Thiên Chúa. Lúc đầu có một số dòng họ từ xã Khúc Phấn chuyển c- đến ở Đầm Bún cạnh bờ sông Kênh De, gần cống Đa Phạn từ thời Lê Trung H-ng. Cuối thế kỷ XIX, do có sự biến động của cuộc khởi nghĩa Ba Đình, dân làng bỏ đầm Bùn l-u lạc khắp nơi. Đầu thế kỷ XX mới dần dần tụ tập trở về ở vùng đất cát bồi ven biển phía Bắc bãi tha ma làng Lộc Tiên. Lúc đầu là các gia đình họ Trịnh, Hoàng, Phạm tới ở, với khoảng 30 hộ. Về sau, có các họ Nguyễn từ Lộc Tiên đến, họ Tr-ong từ Nam Huân về, họ Mai từ H-ng Thái xuống, họ Đồng từ Ng- Lộc vào, cũng có họ từ Ninh Bình, Nga Sơn, Yên Nhân (H-ng Lộc) chuyển đến. Hiện nay Đa Phạn có 209 hộ với 1.200 nhân khẩu. Đây là làng theo đạo Thiên Chúa toàn tòng.

- *Làng Y Bích* có 16 hộ: Nguyễn, Lê, D-ong, Hồ, Cao, Phạm, Đoàn, Hoàng, Đỗ, Hà, Trịnh, Mai, Trần, Vũ, Đinh, Bùi.

Nhìn chung toàn xã Hải Lộc, họ Nguyễn có 46 dòng, Phạm - 14 dòng, Bùi - 11 dòng, Đỗ - 10 dòng, Trần - 10 dòng, Lê - 8 dòng, Mai - 8 dòng, Hoàng - 6 dòng, D-ong - 6 dòng, Tô - 5 dòng, Vũ - 8 dòng, Trịnh - 5 dòng, Tr-ong - 4 dòng, Đồng - 6 dòng, Đặng - 3 dòng, Hà - 3 dòng, Ngô - 2 dòng, Đoàn - 2 dòng, Hồ - 2 dòng họ.

Các họ chỉ có một dòng là họ Phan, L-ờng, Tăng, Cao, Tống, Hoả.

6. Xã Hoà Lộc

Tài liệu khảo cổ học cho biết ở xã Hoà Lộc ngày nay đã từng xuất hiện cái làng đầu tiên thuộc nền văn hoá Hoa Lộc, cách ngày nay trên d-ới 4000 năm. Đó là địa điểm Bái Cù thuộc làng Bái Trung. Hiện vật tìm đ-ợc là 76 chì l-ới của c- dân Bái Cù dùng trong việc đánh cá biển. Ngôi làng ấy đã góp phần làm nên diện mạo nền văn hoá Đông Sơn ở l-u vực sông Mã. Yếu tố

văn hoá biển của văn hoá Hoa Lộc góp phần làm nên sức sống truyền thống của văn hoá Đông Sơn. Chính nó cũng đã góp phần vào sự hình thành những làng cổ đầu tiên, đóng góp vào sự hình thành nền văn minh Đông Sơn và sau này là bộ Cửu Chân thời các vua Hùng ở l-u vực Sông Mã.

Hiện nay, Hoà Lộc có 6 làng: Bái Trung, Xuân Tiến (tr-ớc đây là 3 làng Yên Hậu, Tr-ờng Thị, Tr-ờng Trung sáp nhập lại), Phú Ng- (tr-ớc là xóm Bến của làng Tr-ong Xá), Nam Huân, Tam Hoà và Tam Thắng (là làng Tr-ong Xá cũ).

Sự phân bố của các dòng họ:

- *Làng Tam Hoà, Tam Thắng* (Tr-ong Xá cũ): hiện nay có các dòng họ Nguyễn, Đỗ, Tr-ong, Phạm, Vũ, Hà và 3 họ Lê, trong đó họ Tr-ong định c- lâu đời nhất (vì thế mới có tên là Tr-ong Xá - nhà họ Tr-ong).

- *Làng Bái Trung*, hiện tại có 15 dòng họ. Dòng họ Nguyễn đ-ợc coi là tiên nhân đến khai phá vùng đất này d-ới thời vua Lê Thánh Tông. Sau này có 10 dòng họ Nguyễn ở nơi khác đến sinh cơ lập nghiệp. Tiếp đến là họ Hoàng, 3 dòng họ Mai, 2 dòng họ Trịnh, Bùi, 2 dòng họ Đỗ, 2 dòng họ Phạm. Làng Bái Trung ngày nay vốn đ-ợc tích hợp từ các họ: Trần, Hồ, Văn, Lai. Đây là một làng thuần nông của xã Hoà Lộc.

- *Làng Xuân Tiến*: vốn là 3 làng Tr-ờng Trung, Yên Hậu, Tr-ờng Thị hợp thành từ năm 1954. Hiện tại Xuân Tiến có 30 dòng họ, trong đó 15 dòng họ lớn: 2 họ Trịnh, 4 họ Nguyễn, 2 họ Lê, 2 họ Hoàng, 1 họ Đỗ, 1 họ Vũ, 1 họ Mai, 2 họ Trần. Ng-ời đầu tiên đến khai khẩn vùng đất này là ông Ngô An thuộc dòng họ Trịnh. Tr-ớc đây 3 làng Trình Trung, Yên Hậu, Tr-ờng Thị vừa làm ruộng, vừa làm muối, nh-ng hiện nay Xuân Tiến là một làng thuần nông.

- *Làng Hoà Ng-*: Tr-ớc Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Hoà Ng- là một phần của làng Nam Huân cũ, là nơi chung c- l-ong giáo (có một số dân theo Công giáo). Đây là nơi c- trú của 7 họ:

Tr-ong, Phạm, Nguyễn, Đỗ, Lê, Tô, Lữ, trong đó họ Tr-ong có số dân đông nhất, sau đến họ Phạm, Nguyễn, Tô, Đỗ, Lê. Làng có nhà thờ họ đạo Nam Huân. Nghề nghiệp chính là đánh cá.

- *Làng Phú Ng-* (Hoà Phú) vốn là xóm Bến của làng Tr-ong Xá cũ; hiện nay có 70 hộ giáo dân với khoảng 300 nhân khẩu. Làng có 3 họ lớn: Nguyễn, Tr-ong, Đỗ, có nhà thờ họ đạo Tr-ong Xá trực thuộc giáo xứ Đa Phạn (Hải Lộc) đ-ợc xây dựng từ năm 1932. Nghề nghiệp chính của dân làng là đánh cá trên sông, biển. Làng không có ruộng đất canh tác.

- *Làng Nam Huân*: vốn đ-ợc tách ra từ làng Tr-ong Xá cũ từ cuối thời Lê. Đến đầu thế kỷ XIX, thôn Nam Huân có tên là Nam Hoa. Đây là một làng nông nghiệp với 20,65 héc ta ruộng, 78 hộ; là nơi c- trú của 3 dòng họ Tr-ong, Nguyễn, Đỗ... Làng có tục thờ thánh ở đền Th-ợng và đền Hạ.

*

* * *

Qua sơ bộ khảo sát về các dòng họ ở các xã vùng ven biển Hậu Lộc có thể thấy:

- Quá trình khai hoang lấn biển ở đây gắn liền với quá trình tụ c- và phát triển của các dòng họ ở nhiều thời kỳ khác nhau. Vùng đất này là nơi tụ c- của nhiều dòng họ ở nhiều miền quê đến sinh cơ lập nghiệp. Những họ còn gia phả thì có thể tìm hiểu đ-ợc quê h-ong gốc, còn nhiều dòng họ không có từ đ-ờng, gia phả nên trí nhớ của các cụ già làng cũng không rõ đ-ợc nguồn gốc bản quán của mình. Trong số các dòng họ ở đây, các họ Nguyễn, Trần, Phạm, Hoàng có nhiều phân chi và có mặt trong hầu hết các làng của 6 xã. Tất cả các làng, xã trong vùng đều có nhiều dòng họ (điển hình nh- ở xã Hải Lộc, làng Y Bích có 16 dòng họ, làng Lộc Tiên – 18 ; làng Yên Thịnh xã H-ng Lộc với 115 hộ có 15 dòng họ; xã Ng- Lộc với 2848 hộ có 78 dòng họ). Điều này phản ánh bề dày lịch sử hình thành cũng nh- tính chất phức tạp của thành phần dân c- trong vùng. Đây là một trong những đặc điểm

rất đáng chú ý về mặt xã hội của các xã vùng ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Chú thích

1. Sông Kênh De: chảy theo hướng Bắc – Nam, nối liền sông Lèn với sông Lạch Tr-ờng, nhận lũ đổ ra sông Lạch Tr-ờng. Đây là đường giao thông thuỷ quan trọng cho tàu thuyền trong tỉnh và ngoài tỉnh.
2. Hanh Cát, Hanh Cù: tên các làng cũ thuộc xã Đa Lộc.
3. Gia phả họ Trần (chữ Hán) ở xã Ng- Lộc.
4. Thần tích Nguyễn Huy Thành thôn Phú L-ơng, xã H-ng Lộc.
5. Bia dựng ở đền thờ Lê Huy Phúc làng Phú Nhi xã H-ng Lộc.
6. *Lịch sử Thanh Hoá* (Tập II), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1994, tr 147.